TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29/9/2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hương Giang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Tiến Quân**

2. Bà **Trần Thị Thanh Khiêm**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Diệu Thương** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang

- *Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Như Ngọc** - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2025/HNGĐ-ST, ngày 14/7/2025 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn H**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường N, tỉnh Tuyên Quang

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn T**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường N, tỉnh Tuyên Quang

(Chị Nguyễn H và anh Nguyễn T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn H trình bày:

Chị và anh Nguyễn T có thời gian tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 01/6/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (nay là Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại tổ dân phố 6, phường N, tỉnh Tuyên Quang. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc cho đến đầu năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp và thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng đến nay

tuy vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau nữa, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, trầm trọng. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Nguyễn T có 02 con chung tên là Nguyễn V, sinh ngày 11/3/2004 và Nguyễn D, sinh ngày 30/01/2019. Hiện nay cháu Nguyễn V đã trưởng thành, chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị đề nghị Tòa án giải quyết sau khi vợ chồng ly hôn chị được quyền trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn D, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Nguyễn H xác nhận chị và anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo hoà giải và đối chiếu chứng cứ cho anh Nguyễn T (bằng hình thức gửi bảo đảm qua đường bưu điện và niêm yết tại chính quyền địa phương) nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tòa án tiến hành tống đạt trực tiếp nhưng anh T không phối hợp, không làm việc với Tòa án. Do vậy Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Kết quả thu thập chứng cứ thể hiện: Chị Nguyễn H và anh Nguyễn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2006. Chị H và anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 6, phường N, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2004 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị H thuê nhà trọ ở riêng một thời gian rồi lại quay về, sau đó vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn thời trong gian dài. Tổ dân phố đã tiến hành khuyên giải vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau nhưng không thành, mâu thuẫn đã trầm trọng. Vợ chồng anh T, chị H có 02 con chung tên là Nguyễn V, sinh ngày 11/3/2004 và Nguyễn D, sinh ngày 30/01/2019. Hiện nay cháu V đã trưởng thành, đi làm. Cháu D đang ở cùng chị H, anh T. Chị H và anh T không có tài sản chung. Tổ dân phố không nắm được chị H và anh T có vay nợ chung hay không.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với anh Nguyễn T đến tham gia tố tụng nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Tuyên Quang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập,

chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn H về việc xin ly hôn anh Nguyễn T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn H được ly hôn anh Nguyễn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn D, sinh ngày 30/01/2019 cho chị Nguyễn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị H không yêu cầu). Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn H xác nhận chị H và anh Nguyễn T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị Nguyễn H xác nhận chị H và anh Nguyễn T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Ngày 14/7/2025, Toà án thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Nguyễn T bằng hình thức gửi bảo đảm qua đường bưu điện và niêm yết tại chính quyền địa phương nhưng anh T không đến Toà án giải quyết vụ việc, tại các buổi hòa giải anh T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không nộp các văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các chứng cứ kèm theo. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn H và anh Nguyễn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (nay là Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày

01/6/2006, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H và anh T sống tại tổ dân phố 6, phường N, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2004 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị H thuê nhà trọ ở riêng một thời gian rồi lại quay về. Sau đó vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài. Tổ dân phố đã tiến hành khuyên giải vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau nhưng không thành, mâu thuẫn đã trầm trọng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân nhằm xác lập quan hệ vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, bền vững đã không thể đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn H xin ly hôn anh Nguyễn T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn H và anh Nguyễn T có 02 con chung tên là Nguyễn V, sinh ngày 11/3/2004 và Nguyễn D, sinh ngày 30/01/2019. Hiện nay cháu Nguyễn V đã trưởng thành, chị H và anh T không ai đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn D, xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến tham gia tố tụng nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình nên không có căn cứ xem xét việc giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn. Để tránh xáo trộn và gây ảnh hưởng tâm lý của con trẻ cần chấp nhận yêu cầu của chị H về việc giao con chung là cháu Nguyễn D cho chị Nguyễn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Nguyễn H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn H về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn H được ly hôn anh Nguyễn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn D, sinh ngày 30/01/2019 cho chị Nguyễn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị H không yêu cầu). Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn H xác nhận chị H và anh Nguyễn T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Chị Nguyễn H xác nhận chị H và anh Nguyễn T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn H phải nộp 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0000025 ngày 14/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn T không phải chịu án phí.

Chị Nguyễn H và anh Nguyễn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1-Tuyên Quang (02 bản);
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND P. N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Hương Giang